

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2018**  
(Tuần từ ngày 25 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 01 năm 2019)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Đồng Phú	0,3	56,3	+ 1.045,4	+ 296,5	+ 101,1	0,5
Phước Hòa	0,0	10,9	+ 76,1	- 77,2	- 65,0	0,2
Phước Long	0,0	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	0,4
<b>Trung bình</b>	<b>0,1</b>	<b>22,4</b>	<b>+ 340,5</b>	<b>+ 39,8</b>	<b>- 21,3</b>	<b>0,3</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 340,5%, cao hơn năm 2018 là 39,8% và thấp hơn 21,3% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Đồng Phú (0,3 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Phước Hòa, Phước Long (0 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 0,3 mm, có xu hướng cao hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

**2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi**

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Giai	21,3	19,38	90,99	- 2,7	- 7,0	- 1,9	Giảm	71,46
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 3,9	+ 2,6	- 2,5	Giảm	74,30
Hồ NT9	1,97	1,85	94,01	+ 1,0	- 3,0	- 6,8	Giảm	80,84
Hồ NT8	1,3	1,18	90,92	- 4,2	- 9,1	- 8,8	Giảm	78,22
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,68	96,43	+ 2,0	- 0,7	- 0,3	Giảm	84,30
Hồ Lộc Quang	5,826	4,97	85,37	- 5,8	- 10,1	- 6,9	Giảm	59,35
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 4,0	0	+ 0,1	Giảm	78,07

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Ông	0,386	0,35	90,20	- 7,2	- 9,8	- 11,2	Giảm	92,16
Hồ Bà Um	1,58	1,46	92,46	- 2,9	- 7,5	- 4,3	Giảm	84,16
Hồ NT 4	2,615	2,51	95,88	+ 2,7	- 3,2	+ 3,8	Giảm	89,02
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 6,3	0	+ 4,3	Giảm	91,98
Hồ Đồng Xoài	9,66	8,25	85,45	- 2,8	- 7,7	- 5,5	Giảm	53,15
Hồ Bù Môn	0,2	0,07	34,78	- 4,9	- 65,2	- 65,2	Giảm	47,83
Hồ Sa Cát	1,327	1,27	95,33	- 1,5	- 4,7	- 11,7	Giảm	85,05
Hồ An Khương	2,6	2,05	78,81	- 4,9	- 10,9	- 5,3	Giảm	59,39
Hồ Ông Thoại	1,765	1,77	100,00	+ 10,9	+ 2,0	+ 10,1	Giảm	80,41
Hồ Cần Đơn	165,49	121,17	73,22	- 16,5	- 15,8	- 8,1	Giảm	87,35
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>224,342<sup>(*)</sup></b>	<b>174,54</b>	<b>77,80</b>	<b>- 4,8</b>	<b>- 8,8</b>	<b>- 7,1</b>		<b>82,82</b>

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 24/01/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 174,54 triệu m<sup>3</sup> (đạt 77,80 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, năm 2017 và TBNN.

## **II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC**

### **1. Khả năng cấp nước**

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 01 của vụ Đông Xuân năm 2018-2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **3,92** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 1 cho vụ Đông Xuân (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>547</b>	<b>12</b>	<b>1.186,0</b>	<b>27</b>	<b>3,92</b>
1	Hồ Suối Giai		12	102	6	0,08
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,04
6	Hồ Lộc Quang	275		260	8	1,51
7	Hồ Tân Lợi			70		0,06
8	Hồ Suối Ông	11			1	0,05
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,02
10	Hồ NT 4			130		0,11

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2018-2019				Nhu cầu nước tưới tháng 1 cho vụ Đông Xuân (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
11	Đập Thọ Sơn			63		0,05
12	Hồ Đồng Xoài			44	8	0,08
13	Hồ Bù Môn	56				0,13
14	Hồ Sa Cát			80		0,06
15	Hồ An Khương	180		33	2	0,77
16	Hồ Ông Thoại			38		0,03
17	Hồ Cần Đơn			250		0,88

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 1 năm 2018 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Suối Giai	1,01
2	Hồ NT6	0,13
3	Hồ NT9	0,17
4	Hồ NT8	0,20
5	Hồ NT2 - Đ7	0,05
6	Hồ Lộc Quang	0,22
7	Hồ Tân Lợi	0,56
8	Hồ Suối Ông	0,04
9	Hồ Bà Úm	0,09
10	Hồ NT 4	0,14
11	Đập Thọ Sơn	0,02
12	Hồ Đồng Xoài	0,73
13	Hồ Bù Môn	1,50
14	Hồ Sa Cát	0,13
15	Hồ An Khương	0,16
16	Hồ Ông Thoại	0,10
17	Hồ Cần Đơn	153,32

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 01 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 25/01/2019 đến ngày 31/01/2019 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn, hồ Bù Môn.

- **01/17 hồ chứa đang sửa chữa:** Hồ Bù Môn đang xả nước để nạo vét.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019 từ ngày 25/01/2019 đến 31/01/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	90,99	120	90,58	100	120	
Hồ NT6	100,00	11	100,00	100	11	
Hồ NT9	94,01	29	95,33	100	29	
Hồ NT8	90,92	25	93,28	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	96,43	51	96,50	100	51	
Hồ Lộc Quang	85,37	543	82,95	100	543	
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	
Hồ Suối Ông	90,20	12	90,50	100	12	
Hồ Bà Úm	92,46	6	93,32	100	6	
Hồ NT 4	95,88	130	96,01	100	130	
Đập Thọ Sơn	100,00	63	100,00	100	63	
Hồ Đồng Xoài	85,45	73	84,74	100	73	
Hồ Bù Môn	34,78	56	34,78	100	56	
Hồ Sa Cát	95,33	80	94,73	100	80	
Hồ An Khương	78,81	215	76,60	100	215	
Hồ Ông Thoại	100,00	38	100,00	100	38	
Hồ Cần Đơn	73,22	250	71,49	100	250	
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>77,80</b>	<b>1.772,0<sup>(*)</sup></b>	<b>76,40</b>	<b>100</b>	<b>1.772,0<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> Giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Mìn	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	0,4	-	- 98	- 100	Rủi ro hạn thấp
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
	Đakia – Bù Đốp					
Đồng Phú	Đồng Tâm – Đồng Phú	56,8	-	+ 579	- 32	Rủi ro hạn thấp
	Mính Hưng – Chơn Thành					
<b>Trung bình</b>		<b>28,6</b>	<b>-</b>	<b>+ 241</b>	<b>- 66</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 241,0%, cao hơn nhiều so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa tích lũy năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 31/01 các trạm bằng 0 mm). Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

### 3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.772	547	1.225					

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 31/01/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 171,39 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 76,40 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 31/01/2019 không thay đổi. Riêng hồ Bù Môn (tỉnh Bình Phước) đang xả nước để nạo vét.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/02/2019 (tuần sau)./.

#### Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

**VIỆN TRƯỞNG**